

Xuân Hưng, ngày 21 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
HOẠT ĐỘNG TỔ CHUYÊN MÔN NHÀ TRẺ
NĂM HỌC 2025 - 2026

Căn cứ Thông tư 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Điều lệ trường mầm non ban hành;

Căn cứ Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GDĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GDĐT;

Căn cứ Kế hoạch số 136/KH-MNXTr ngày 20/9/2025 của trường Mầm non Xuân Trung Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số 137/KH- MNXTr ngày 20/9/2025 của trường Mầm non Xuân Trung Kế hoạch chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ năm học 2025-2026;

Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình GDMN năm học 2024-2025 của tổ nhà trẻ, tình hình thực tế của nhà trường, đề xuất của giáo viên;

Tổ chuyên môn nhà trẻ xây dựng Kế hoạch hoạt động năm học 2025 -2026, cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô nhóm lớp

- Năm học 2025 - 2026 tổ chuyên môn Nhà trẻ có 5 lớp với tổng số 110 trẻ.

Trong đó:

+ Lớp Nhà trẻ D1: 23 trẻ

+ Lớp Nhà trẻ D2: 23 trẻ

+ Lớp Nhà trẻ D3: 23 trẻ

+ Lớp Nhà trẻ D4: 23 trẻ

+ Lớp Nhà trẻ D5: 18 trẻ

- Sĩ số các lớp đảm bảo theo quy định của Điều lệ trường mầm non.

2. Đội ngũ giáo viên

- Tổng số giáo viên: 10 đồng chí.

- 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, trong đó 6/10 đồng chí có trình độ trên chuẩn chiếm 60%.

- Giáo viên có tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, mến trẻ tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn, có khả năng ứng dụng CNTT trong giảng dạy.

3. Các điều kiện thực hiện chương trình

- Cơ sở vật chất: Lớp học khang trang, có đầy đủ đồ dùng, đồ chơi cơ bản phục vụ hoạt động học tập và vui chơi. 100% nhóm lớp có đèn chống cận, có bình nước lọc nóng lạnh. Số lượng đồ dùng theo TT02 các lớp có đủ theo quy định.

- Các lớp đều được trang bị ti vi/máy tính, loa phục vụ giảng dạy.

- Trang thiết bị và nguyên vật liệu mở được bổ sung thường xuyên để tổ chức các hoạt động cho trẻ trải nghiệm.

4. Đánh giá chung về điều kiện thực tế của tổ

4.1. Thuận lợi

- Tổ chuyên môn Nhà trẻ luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban giám hiệu về công tác chuyên môn. Nhà trường đã trang bị đầy đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị đồ dùng học tập cho các Tổ nói chung và đặc biệt là Tổ Nhà trẻ nói riêng để giáo viên thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ.

- Chương trình, kế hoạch giáo dục lứa tuổi nhà trẻ được thiết kế đảm bảo các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện của trẻ.

- Các góc chơi được thiết kế mở, theo đúng chủ đề, chủ điểm.

- Đội ngũ đoàn kết, nhiệt tình, ham học hỏi, có tinh thần đổi mới.

- Phụ huynh phối hợp chặt chẽ trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

4.2. Khó khăn, hạn chế

- Một số giáo viên trong tổ còn chưa linh hoạt, chưa có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, đặc biệt là ứng dụng PPGD tiên tiến trong các hoạt động giáo dục trẻ nên còn lúng túng, chưa phát huy được sự sáng tạo của học sinh.

- Một số giáo viên khả năng tiếp cận công nghệ thông tin còn chậm, chưa linh hoạt, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động.

- Đồ dùng, đồ chơi tự làm chưa thật phong phú.

- Đa số trẻ mới ra lớp lần đầu, một số trẻ còn nhỏ nên khóc, nhút nhát khi tham gia giao tiếp với cô giáo, bạn bè.

- Một số PHHS chưa thực sự quan tâm đến việc rèn kỹ năng cho trẻ tại gia đình.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo an toàn

1.1. Công tác huy động trẻ ra lớp

a) Chỉ tiêu

- Huy động 110/110 trẻ ra lớp đạt 100% DSĐT, đạt chỉ tiêu nhà trường giao.

- Duy trì sĩ số, đảm bảo tỷ lệ chuyên cần đạt từ 95% trở lên.

b) Biện pháp

- Thực hiện tốt công tác điều tra, cập nhật số liệu chính xác để báo cáo BGH, thực hiện tốt công tác phối hợp với thôn xóm để huy động trẻ ra lớp
- Giáo viên làm tốt công tác tuyên truyền, giúp phụ huynh hiểu được tầm quan trọng của bậc học mầm non nói chung và lớp nhà trẻ nói riêng để phụ huynh đưa trẻ đi học đều, đưa đón trẻ đúng thời gian.
- Trang trí môi trường trong và ngoài lớp học xanh, sạch, đẹp, tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, sáng tạo thu hút trẻ đến lớp.

1.2. Chăm sóc nuôi dưỡng

a) Chỉ tiêu

- *Tổ chức ăn:*
 - + 100% số trẻ được nuôi ăn bán trú tại trường.
 - + Đảm bảo chất dinh dưỡng hợp lý, cân đối, trẻ ăn ngon miệng, động viên trẻ ăn hết suất.
 - + Giờ ăn của trẻ ở lớp luôn đảm bảo vệ sinh, đảm bảo an toàn thực phẩm cho trẻ
 - *Tổ chức ngủ:*
 - + Chuẩn bị phòng thoáng mát, đảm bảo an toàn khi trẻ ngủ, trẻ được ngủ đúng giờ giấc.
 - *Vệ sinh :*
 - + Vệ sinh cá nhân: Rèn trẻ kỹ năng rửa tay, rửa mặt...
 - + Vệ sinh môi trường: Vệ sinh môi trường, phòng học, đồ dùng, đồ chơi.
 - 100% trẻ đến trường được cân, đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm theo quý vào tháng 9, 12/2025, 3/2026. Phần đầu đạt.
 - + Cân nặng: PTBT: trên 99%; SDD nhẹ cân : dưới 1%
 - + Chiều cao: PTBT: trên 99%; SDD thấp còi: dưới 1%
- Riêng trẻ nhà trẻ 18-24 tháng tuổi cân đo 1 lần vào ngày 15 hàng tháng. (Lùi lại ngày kế tiếp nếu trùng vào ngày nghỉ).
- 100 % trẻ có nề nếp, thói quen tốt trong ăn uống.
 - 100% trẻ có đủ đồ dùng cá nhân, đồ dùng ăn, ngủ như: Cốc uống nước; khăn lau mặt, khăn lau miệng có ký hiệu riêng; khăn lau tay; gối; chăn; chiếu; phản ngủ; đệm... thường xuyên vệ sinh phòng lớp, giá đồ chơi, đồ chơi đảm bảo sạch sẽ.
 - 100% trẻ biết cách lau mặt, rửa tay sạch sẽ phòng chống dịch bệnh.
 - 100% giáo viên các lớp thực hiện xây dựng môi trường giáo dục an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, không bạo hành trẻ.
 - 100% giáo viên các lớp thực hiện chế độ vệ sinh cá nhân trẻ hàng ngày theo quy chế, thực hiện lịch vệ sinh phòng nhóm và vệ sinh môi trường theo quy định của trường.

- 100% giáo viên không vi phạm khẩu phần ăn của trẻ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho trẻ.

b) Biện pháp

- Tổ trưởng xây dựng lịch kiểm tra để nhắc nhở giáo viên trong tổ làm tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ.

- Giáo viên giữ gìn môi trường sinh hoạt, vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi của trẻ sạch sẽ để phòng chống một số bệnh do vi rút gây ra, dễ lây lan và gây nguy hiểm tới tính mạng của trẻ.

- Giáo viên phối hợp nhân viên y tế cân đo, theo dõi sức khỏe trẻ 3 lần/năm học, phối hợp với nhân viên nuôi dưỡng thực hiện các biện pháp can thiệp với trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, trẻ thấp còi, béo phì.

- Biện pháp chăm sóc trẻ SDD và béo phì:

+ Xây dựng chế độ ăn khoa học, loại trừ các thực phẩm gây thừa cân

+ Xây dựng môi trường vận động cho trẻ

+ Khám sức khỏe tổng quát cho trẻ định kỳ hàng năm, theo dõi cân nặng và chiều cao của trẻ

+ Bổ sung đủ chất dinh dưỡng cho trẻ

- Tham mưu với BGH nhà trường cung cấp đảm bảo đủ các đồ dùng, lắp bình nóng lạnh phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng tại lớp.

1.3. Đảm bảo an toàn trường học

a) Chỉ tiêu

- 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần.

- 100% giáo viên thực hiện nghiêm túc các nội dung trong Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác y tế trường học, Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, giáo viên biết một số kỹ năng sơ cứu ban đầu cho trẻ, xử lý tình huống y tế thường gặp ở trẻ.

- 100% các nhóm, lớp tổ chức lồng ghép trong các chủ đề về giáo dục sức khỏe cho trẻ, quản lý chăm sóc - giáo dục trẻ tốt trong các hoạt động; đồ dùng đồ chơi phải đảm bảo an toàn, tránh các vật dụng sắc nhọn...

- 100% giáo viên đảm bảo giờ đón và trả trẻ, nhận trẻ trực tiếp từ phụ huynh đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ khi ở trường.

- 100% các lớp thực hiện tốt chuyên đề “Phòng chống bạo hành trong trường mầm non”

b) Biện pháp

- Giáo viên các lớp thực hiện nghiêm túc Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo về

công tác y tế trường học, Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành các quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích cho trẻ.

- Thường xuyên kiểm tra điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, kịp thời phát hiện, khắc phục, loại bỏ đồ dùng đồ chơi gây nguy hiểm cho trẻ, nhắc nhở giáo viên giám sát trẻ chặt chẽ đồng thời giúp trẻ nhận biết một số nguy hiểm cho bản thân và biết cách phòng tránh. Đảm bảo an toàn và thuận lợi cho trẻ tham gia các hoạt động tại lớp.

- Giáo viên hướng dẫn cách sử dụng các đồ dùng có thể gây mất an toàn cho trẻ như: Ổ điện, cây nước uống....

- Trước khi về giáo viên cần kiểm tra lại phòng kho, nhà vệ sinh, hệ thống các vòi nước... tắt các thiết bị điện đảm bảo an toàn.

2. Chất lượng giáo dục

2.1. Kết quả đánh giá cuối độ tuổi

a) Chỉ tiêu

- 100% các nhóm đạt loại Tốt – khá.
- Kết quả đánh giá trẻ theo 4 lĩnh vực đạt từ 90-95% trở lên :
 - + Lĩnh vực phát triển thể chất: 90%
 - + Lĩnh vực phát triển nhận thức: 90-92%
 - + Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 90-92%
 - + Lĩnh vực phát triển TCKNXH &TM: 90%

b) Biện pháp

- Xây dựng kế hoạch, lựa chọn nội dung phù hợp với mục tiêu kết quả mong đợi cuối độ tuổi theo chương trình GDMN.

- Kế hoạch chủ đề, kế hoạch tuần phải được Ban giám hiệu phê duyệt trước khi dạy trẻ.

- Đảm bảo thực hiện giờ nào việc nấy, không cắt xén chương trình.

- Tiếp tục ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến vào việc tổ chức các hoạt động cho trẻ.

- Giáo viên đổi mới phương pháp dạy học để phát huy tính tích cực và giáo dục kỹ năng sống cho trẻ “*Học thông qua vui chơi trải nghiệm*”. Tích cực làm đồ dùng đồ chơi sáng tạo cho trẻ hoạt động.

- 100% các lớp xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của lớp mình.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên trong tổ.

- Tham gia các lớp tập huấn do Sở GD&ĐT, nhà trường tổ chức.

2.2. Đổi mới các hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non

a) Chỉ tiêu:

- 100% giáo viên thực hiện chương trình giáo dục theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT về sửa đổi bổ sung chương trình Giáo dục mầm non.
- 100% GV nắm chắc nội dung, lập kế hoạch phù hợp, thực hiện hiệu quả chương trình GDMN mới, nắm bắt được nội dung chương trình GDMN sửa đổi bổ sung theo TT 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020.
- Xây dựng kế hoạch theo năm, tháng, tuần phù hợp với chương trình sửa đổi.
- Tổ chức hoạt động theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, ứng dụng phương pháp STEAM.

(Mục tiêu, dự kiến chủ đề, dự kiến nội dung hoạt động phụ lục đính kèm)

2.3. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm

2.3.1. Chuyên đề: Xây dựng trường mầm non xanh, an toàn, hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm

a) Chỉ tiêu:

- Xây dựng môi trường giáo dục xanh, sạch, đẹp, an toàn và thân thiện, đảm bảo mọi hoạt động đều hướng đến hạnh phúc của trẻ.
- Đảm bảo các điều kiện để trẻ được học tập, vui chơi, phát triển toàn diện trong môi trường giáo dục “lấy trẻ làm trung tâm”.
- 100% trẻ trong nhóm lớp được chăm sóc, giáo dục trong môi trường an toàn, thân thiện.
- Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn hoạt động phù hợp với nhu cầu, sở thích, phù hợp với khả năng cá nhân.
- Xây dựng nề nếp, thói quen, kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề cho trẻ.
- 100% giáo viên hiểu và vận dụng quan điểm “lấy trẻ làm trung tâm” trong mọi hoạt động chăm sóc – giáo dục.
- Cải tạo, bổ sung môi trường giáo dục xanh (cây xanh, góc thiên nhiên, đồ dùng tái chế thân thiện với môi trường).
- Huy động sự tham gia của phụ huynh trong việc xây dựng môi trường, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe và tinh thần cho trẻ.

b) Biện pháp

- Xây dựng môi trường xanh – sạch – đẹp

- + Trồng, chăm sóc cây xanh, hoa trong khuôn viên trường, cải tạo góc thiên nhiên của tổ và trong lớp (góc trồng cây, vườn rau...).

+ Tận dụng nguyên vật liệu tái chế (chai nhựa, lon bia, lon coca, hộp giấy...) để làm đồ chơi, đồ dùng dạy học cho trẻ.

+ Giữ gìn vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi; tổ chức lao động xanh cùng trẻ (nhặt lá, tưới cây, lau đồ chơi).

+ Tạo thói quen cho trẻ biết giữ gìn môi trường: bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cây, tiết kiệm nước.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ

+ Kiểm tra thường xuyên cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo an toàn, không có vật sắc nhọn hoặc nguy hiểm.

+ Thực hiện nghiêm túc nền nếp đón – trả trẻ, đảm bảo tuyệt đối an toàn về thể chất và tinh thần.

+ Tham gia và tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ năng phòng tránh tai nạn thương tích cho giáo viên và trẻ (ngã, bỏng, hóc nghẹn, điện giật...).

+ Phối hợp với nhân viên y tế theo dõi sức khỏe, đảm bảo dinh dưỡng hợp lý và phòng chống dịch bệnh.

- Xây dựng trường – lớp hạnh phúc

+ Tạo môi trường giao tiếp thân thiện: cô nhẹ nhàng, tôn trọng, lắng nghe trẻ; trẻ biết quan tâm, giúp đỡ bạn.

+ Đảm bảo mọi trẻ đều được yêu thương, tôn trọng, được thể hiện cảm xúc và nhu cầu của bản thân.

+ Giáo viên thể hiện thái độ tích cực, biết điều chỉnh cảm xúc, luôn tạo cảm giác an toàn – vui vẻ cho trẻ.

+ Tổ chức các hoạt động “Ngày hạnh phúc của bé”, “Sinh nhật yêu thương”, “Góc yêu thương của con”.

- Thực hiện quan điểm lấy trẻ làm trung tâm

+ Quan sát, lắng nghe và hiểu nhu cầu, hứng thú, khả năng của từng trẻ để xây dựng kế hoạch phù hợp.

+ Thiết kế môi trường mở, cho phép trẻ được tự lựa chọn hoạt động, khám phá, trải nghiệm.

+ Đổi mới hình thức tổ chức hoạt động: lấy chơi làm phương tiện, tạo cơ hội cho trẻ được hoạt động, thử nghiệm và sáng tạo.

+ Đánh giá trẻ bằng quan sát và sản phẩm hoạt động, không so sánh giữa các trẻ.

- Nâng cao năng lực giáo viên

+ Thường xuyên tự bồi dưỡng, tham gia tập huấn, học hỏi đồng nghiệp.

+ Thực hiện dự giờ – rút kinh nghiệm theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ.

+ Ứng dụng CNTT trong giảng dạy, tuyên truyền, kết nối với phụ huynh học sinh.

- Phối hợp với phụ huynh và cộng đồng

- + Tuyên truyền ý nghĩa của việc xây dựng “trường xanh – an toàn – hạnh phúc” qua bảng tin, Zalo nhóm lớp với phụ huynh.
- + Phối hợp tổ chức các hoạt động trải nghiệm ngoài lớp học.
- + Kêu gọi phụ huynh hỗ trợ nguyên vật liệu, cải tạo môi trường lớp học, sân chơi.
- + Phối hợp với trạm y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống tai nạn thương tích.

2.3.2 Chuyên đề phát triển vận động

a) Chỉ tiêu

- Nâng cao chất lượng giáo dục phát triển vận động cho trẻ khối nhà trẻ, giúp trẻ phát triển thể chất toàn diện, tăng cường sức khỏe, sự nhanh nhẹn, khéo léo và khả năng phối hợp vận động.
- Xây dựng môi trường vận động phong phú, hấp dẫn, an toàn; tạo cơ hội để trẻ được trải nghiệm, rèn luyện kỹ năng thông qua các hoạt động vui chơi, học tập hằng ngày.
- 100% giáo viên khối nhà trẻ hiểu rõ tầm quan trọng của phát triển vận động và biết lựa chọn, tổ chức hoạt động phù hợp với độ tuổi.
- Trẻ hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động vận động hằng ngày; hình thành thói quen vận động, yêu thích hoạt động thể chất.
- Cải thiện rõ rệt khả năng vận động cơ bản (đi, chạy, nhảy, bò, trườn, tung – ném, kéo – đẩy...) và sự phối hợp tay – mắt ở trẻ.
- Môi trường vận động trong và ngoài lớp được sắp xếp hợp lý, đảm bảo an toàn, có tính mở, đa dạng và sáng tạo.
- 100% trẻ có kỹ năng thực hiện các vận động cơ bản theo độ tuổi
- 100% trẻ hứng thú tham gia các hoạt động, tham gia các trò chơi vận động
- 100% các lớp có đầy đủ đồ dùng bóng, vòng, gậy, ghế và cổng chui...thể dục phục vụ chuyên đề.

b) Biện pháp

- Xây dựng môi trường vận động an toàn, phong phú

- + Sắp xếp góc vận động trong lớp: bố trí thảm, đồ chơi vận động nhẹ (cầu trượt, bóng, vòng thể dục, ống chui...).
- + Tạo không gian ngoài trời mở, đảm bảo an toàn, có đồ chơi leo trèo, thăng bằng, đi cầu, ném bóng, kéo co...
- + Tận dụng vật liệu sẵn có, phế liệu sạch để làm đồ chơi vận động (ống nước, lốp xe, chai nhựa, dây thừng, bao cát...).

+ Duy trì thường xuyên “giờ thể dục sáng”, “hoạt động ngoài trời”, “trò chơi vận động” mỗi ngày.

+ Trang trí góc vận động trong lớp để trẻ được tập luyện ngay cả khi ở trong phòng.

- Đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động vận động

+ Hoạt động có chủ đích: tổ chức linh hoạt, ngắn gọn, sinh động, kết hợp âm nhạc, dụng cụ, trò chơi nhỏ để trẻ hứng thú tham gia.

+ Hoạt động ngoài trời: cho trẻ tham gia các trò chơi vận động phù hợp (chạy theo bóng, kéo co nhẹ, chuyền cát, ném vòng vào đích...).

+ Hoạt động góc và chơi tự do: tạo cơ hội để trẻ tự vận động trong các trò chơi quen thuộc, phát triển sự linh hoạt và khéo léo.

+ Hoạt động tích hợp: kết hợp yếu tố vận động trong các hoạt động âm nhạc, khám phá, trò chơi dân gian...

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm và sự kiện

+ Thường xuyên tổ chức thi vận động giữa các lớp, tổ chức 1, 2 chương trình “Ngày hội thể thao” của tổ

+ Tích hợp các hoạt động vận động vào ngày lễ, hội: 20/11, 22/12, Tết Nguyên đán, 1/6...

+ Tổ chức hoạt động ngoài trời với nhiều hình thức phong phú: đi dạo, quan sát, vượt chướng ngại vật.

- Phối hợp với phụ huynh

+ Tuyên truyền phụ huynh về lợi ích của vận động, khuyến khích cha mẹ cho trẻ tập luyện ở nhà.

+ Hướng dẫn phụ huynh các trò chơi vận động đơn giản, có thể chơi cùng con tại gia đình.

+ Phối hợp tổ chức các hội thi vận động có sự tham gia của phụ huynh (bé và bố mẹ cùng chơi).

- Nâng cao nhận thức, năng lực giáo viên

+ Giáo viên tích cực học hỏi, tập huấn về phát triển vận động cho trẻ nhà trẻ theo Chương trình GDMN mới.

+ Giáo viên nắm vững đặc điểm tâm sinh lý, khả năng vận động của trẻ 18–36 tháng để lựa chọn nội dung phù hợp.

+ Bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động phát triển vận động theo hướng “học mà chơi - chơi mà học”, tích hợp trong các hoạt động hằng ngày.

+ Thường xuyên dự giờ, rút kinh nghiệm để nâng cao hiệu quả.

2.4. Công tác tuyên truyền phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ.

a) Chỉ tiêu

- 100% các lớp có góc tuyên truyền.
- 100% phụ huynh được tuyên truyền về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng chăm sóc trẻ.
- Các nội dung tuyên truyền thay đổi thường xuyên theo tuần, tháng.
- Một chủ đề có từ 3- 5 hoạt động quay video đăng trên webside của trường

b) Biện pháp

- Xây dựng nội dung tuyên truyền theo tháng, theo mùa.
- Tuyên truyền về cách phát hiện và phòng chống các bệnh theo mùa, các bệnh dịch dễ lây lan.
- Tuyên truyền về chế độ dinh dưỡng cần thiết cho trẻ theo mùa.
- Tuyên truyền về giáo dục các kỹ năng vệ sinh trong ăn uống, vệ sinh hằng ngày cho trẻ.
- Tuyên truyền các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ, các hoạt động trải nghiệm ngày lễ, ngày hội
- Thường xuyên trao đổi với CMHS, tạo sự gắn kết giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

2.5. Ứng dụng công nghệ thông tin

a) Chỉ tiêu

- 100% các lớp có Zalo nhóm lớp.
- Phần đầu 100% giáo viên có kỹ năng về ứng dụng CNTT, biết thiết kế bài giảng trên lớp.
- Mỗi lớp có từ 1- 2 giáo án điện tử/chủ đề
- 100% GV biết khai thác các nguồn tài nguyên và công cụ số hỗ trợ học qua chơi cho trẻ mầm non. Sưu tầm các video và ứng dụng CNTT một cách hợp lý vào trong quá trình giảng dạy

b) Biện pháp

- Tích cực tuyên truyền với phụ huynh cập nhật Zalo nhóm lớp.
- Tập huấn sinh hoạt chuyên môn, tổ chức các buổi hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đề chuyển đổi số nhằm nâng cao khả năng sử dụng công nghệ thông tin của các đồng chí giáo viên trong tổ để đưa vào các hoạt động giảng dạy các cháu được tốt hơn.
- Giáo viên tích cực nghiên cứu học hỏi, tìm tòi trên mạng Internet để học hỏi, đưa vào giảng dạy tại nhóm lớp mình.
- Tích cực làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục để phụ huynh học sinh trong khối Nhà trẻ ủng hộ cho các lớp mua sắm trang thiết bị dạy và học.

3. Các danh hiệu thi đua, khen thưởng trong năm học

- Tổ Nhà trẻ phần đầu là tập thể lao động tiên tiến xuất sắc
- 100% giáo viên trong tổ đạt danh hiệu lao động tiên tiến.
- 2 GV đạt Giấy khen cấp cơ sở
- Cá nhân các đồng chí giáo viên đăng ký phần đầu thi đua:

STT	Họ và tên	Lao động tiên tiến	Chiến sỹ thi đua cơ sở	Giấy khen cấp cơ sở
1	Trần Thị Hải Yến	x		
2	Trần Thị Thu Hà	x		
3	Trần Thị Lướt	x		
4	Hoàng Thị Hồi	x		x
5	Vũ Thị Thúy	x		
6	Trần Thị Xuyên	x		
7	Đỗ Thị Thúy Liễu	x		
8	Trần Thị Bích Vân	x		
9	Trần Thị Hương	x		x
10	Trần Thị Ngoan	x		

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ trưởng

- Phối hợp với các giáo viên trong tổ xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ đảm bảo các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm học, thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục nhà trường, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.
- Định hướng, chỉ đạo và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn trong tổ theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng giáo dục.
 - Tổ chức sinh hoạt chuyên môn
 - + Tổ chức các buổi họp tổ định kỳ
 - + Chủ trì và hướng dẫn giáo viên trong tổ trao đổi, thảo luận về nội dung dạy học, phương pháp giảng dạy, đánh giá kết quả giáo dục trẻ.
 - + Khuyến khích giáo viên trong tổ sáng tạo và đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng giáo dục
 - Giám sát và hỗ trợ giáo viên trong tổ
 - + Giám sát, kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục và kế hoạch dạy học của các giáo viên trong tổ
 - + Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên trong tổ, đồng thời hỗ trợ, giúp đỡ giáo viên trong việc phát triển chuyên môn nghiệp vụ.
 - Tham mưu cho lãnh đạo trường

+ Đề xuất ý kiến với nhà trường về những vấn đề liên quan đến chuyên môn như kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ, CSVC, tài liệu dạy học, các hoạt động trải nghiệm...

+ Tham gia đóng góp ý kiến trong công tác quản lý, điều hành CM của nhà trường.

- Báo cáo định kỳ

+ Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất về hoạt động của tổ CM với nhà trường.

2. Tổ phó

Phụ trách công tác nuôi ăn bán trú, phối hợp các công việc trong tổ cùng tổ trưởng, chịu trách nhiệm những nhiệm vụ khi được Hiệu trưởng phân công.

3. Giáo viên

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn:

+ Giáo viên cần tham gia đầy đủ các buổi họp tổ chuyên môn theo kế hoạch

+ Trong các buổi sinh hoạt, giáo viên có nhiệm vụ thảo luận, trao đổi kinh nghiệm dạy học, chăm sóc trẻ và nghiên cứu phương pháp giáo dục mới, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy phù hợp với thực tiễn.

- Xây dựng kế hoạch chuyên môn: Cùng tổ chuyên môn giáo viên phải xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục phù hợp với chương trình GDMN. Các kế hoạch này cần có sự linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường.

- Nghiên cứu cải tiến phương pháp tổ chức các hoạt động

+ Giáo viên tham gia nghiên cứu, trao đổi về phương pháp dạy học hiện đại, sáng tạo và tích hợp nhiều lĩnh vực từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến phương pháp dạy học.

+ Cùng tổ chuyên môn thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu khoa học giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

+ Hỗ trợ và bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên khác : Giáo viên có kinh nghiệm cần chia sẻ kiến thức, hỗ trợ đồng nghiệp, đặc biệt là giáo viên mới trong việc giảng dạy và chăm sóc trẻ.

Trên đây là Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn Nhà trẻ năm học 2025 -2026. Giáo viên căn cứ vào kế hoạch của tổ để làm cơ sở căn cứ xây dựng kế hoạch của lớp phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và tình hình thực tế của lớp mình. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc cần điều chỉnh, bổ sung phải báo ngay cho bộ phận chuyên môn, lãnh đạo trường để được tư vấn, hướng dẫn kịp thời.

TỔ TRƯỞNG



Trần Thị Hải Yến

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Ánh Hồng

Phụ lục 1**I. Nhóm trẻ 18 - 24 tháng.****1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện**

TT	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Sự kiện
1	Bé và các bạn	1	05,08/09->12/9/2025	Ngày hội đến trường của bé	Chào mừng ngày hội đến trường của bé
		1	15/09 ->19/09/2025	Bé và các bạn	
		1	22/09 ->26/09/2025	Bé là ai?	
		1	29/09 ->03/10/2025	Lớp học của bé	Tết trung thu
2	Đồ chơi của bé	1	06/10 ->10/10/2025	Bé biết những đồ chơi gì?	
		1	13/10 ->17/10/2025	Đồ chơi yêu thích của bé	
		1	20/10 ->24/10/2025	Đồ dùng của bé	Ngày phụ nữ VN 20/10
		1	27/10 ->31/10/2025	Bé và các bạn cùng chơi	
3	Các cô, các bác trong nhà trẻ	1	03/11 ->07/11/2025	Bác bảo vệ của bé	
		1	10/11 ->14/11/2025	Các cô nuôi dưỡng	
		1	17/11 ->21/11/2025	Cô giáo con	Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	1	24/11 ->28/11/2025	Ngôi nhà của bé	
		1	01/12 ->05/12/2025	Mẹ yêu	
		1	08/12 ->12/12/2025	Bố, anh chị em của bé	
		1	15/12 ->19/12/2025	Ông bà nội, ông bà ngoại của bé	
5	Cây xanh và những bông hoa đẹp	1	22/12 ->26/12/2025	Rau xanh	Ngày thành lập quân đội NDVN 22/12

		1	29/12 ->02/01/2026	Các loại quả quê em	
		1	05/01 ->09/01/2026	Những bông hoa đẹp	
			12/01 ->16/01/2026	Ôn tập - Kết thúc học kỳ I	
		1	19/01 ->23/01/2026	Cây xanh quanh bé	
6	Bé vui đón tết và mùa xuân	1	26/01 ->30/01/2026	Bé mong đón tết	
		1	02/02 ->06/02/2026	Các món ăn ngày tết	
		1	09/02 ->13/02/2026	Các hoạt động trong ngày tết	Tết nguyên đán
			16/02 ->20/02/2026	Nghỉ tết nguyên đán	
		1	23/02 ->27/02/2026	Mùa xuân của bé	
7	Những con vật đáng yêu	1	02/03 ->06/03/2026	Các con vật nuôi trong gia đình (Gia cầm)	Quốc tế phụ nữ 8/3
		1	09/03 ->13/03/2026	Các con vật nuôi trong gia đình (Gia súc)	
		1	16/03 ->20/03/2026	Các con vật sống trong rừng	
		1	23/03 ->27/03/2026	Các con vật sống dưới nước	
8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì	1	30/03 ->03/04/2026	Phương tiện giao thông đường bộ	
		1	06/04 ->10/04/2026	Phương tiện giao thông đường thủy	
		1	13/04 ->17/04/2026	Phương tiện giao thông đường hàng không	
		1	20/04 ->24/04/2026	Phương tiện giao thông đường sắt	
9	Mùa hè đến rồi	1	27/04 ->29/04/2026	Mùa hè đến	
		1	04/05 ->08/05/2026	Thời tiết mùa hè	
		1	11/05 ->15/05/2026	Trang phục mùa hè của bé	
		1	18/05 ->22/05/2026	Bé làm gì trong mùa hè	Sinh nhật Bác
			25/05 ->29/05/2026	Ôn tập, đánh giá trẻ cuối độ tuổi	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung - Hoạt động
I. Giáo dục phát triển thể chất	
MT1*. Cân nặng và chiều cao	
Trẻ 18 tháng + Trẻ trai: cân nặng 8,8 kg – 13,7 kg; chiều cao 76,9 cm – 87,7 cm. + Trẻ gái: cân nặng 8,1 kg – 13,2 kg; chiều cao 74,9 cm – 86,5 cm.	Trẻ được cân đo theo tháng, quý trong năm học, theo dõi sức khỏe hàng ngày và đánh giá chiều cao cân nặng vào cuối năm học theo chỉ số của trẻ cuối độ tuổi.
Trẻ 24 tháng + Trẻ trai: cân nặng 9,7 kg – 15,3 kg; chiều cao 81,7 cm – 93,9 cm. + Trẻ gái: cân nặng 9,1 kg – 14,8 kg; chiều cao 80,0 cm – 92,9 cm.	
1. Phát triển vận động	
1.1. Thực hiện động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	
MT2*. Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: tập hít thở - Tay: giơ cao, đưa phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên - Chân: dang sang hai bên, ngồi xuống đứng lên.
1.2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.	
MT3*. Trẻ thực hiện các vận động vận động bò, trườn.	- Tập bò trườn: + Bò trườn tới đích + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao)
MT4*. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng(ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên tay và đi hết đoạn đường 1,8-2m.	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản - Tập bước lên xuống bậc thang
MT5*. Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt, biết lăn, bắt bóng với cô.	- Trẻ tập tung, ném + Trẻ ngồi lăn bóng + Đứng ném, tung bóng
MT6. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong	- Ném bóng bằng một tay lên phía

vận động ném, đá bóng	trước được khoảng 1,2m - Đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5m
1.3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt.	
MT7* . Trẻ thực hiện các vận động, cử động cổ tay, bàn tay, ngón tay trong các vận động.	- Co duỗi ngón tay, đan ngón tay - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật. - Đóng, mở nắp có ren - Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay
MT8* . Trẻ xếp tháp, lồng hộp, xếp chồng được 4-5 hình khối.	- Trẻ thực hiện chắp, ghép hình và xếp chồng trong các hoạt động - Tháo, lắp lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 4 – 5 khối
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.	
MT9* . Thích nghi với chế độ ăn cơm nát có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Trẻ được làm quen với các loại thức ăn trong các bữa ăn, thực hiện giờ giấc trong ăn uống hàng ngày trên nhóm.
MT10* . Ngủ một giấc buổi trưa	- Giáo viên cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa đúng giờ hàng ngày trên nhóm.
MT11* . - Biết thể hiện một số nhu cầu ăn uống, vệ sinh bằng cử chỉ/lời nói. - Biết gọi người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Phát âm rõ tiếng. Ngồi vào bàn khi đến giờ ăn, "cầm ca" khi muốn uống nước, ... - Biết thể hiện nhu cầu, vệ sinh bằng cử chỉ, lời nói. - Tập cho trẻ một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh + Biết gọi cô khi bị ướt, bị bẩn
2.2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.	
MT12 . Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi dày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Dạy trẻ thực hiện khi đi ra ngoài phải biết đội mũ nón... hàng ngày dưới sự hướng dẫn của người lớn.
MT13* : Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	- Trẻ biết ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước.

	- Tập cho trẻ tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc - Tập ngồi vào bàn ăn - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh - Làm quen với rửa tay lau mặt
2.3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT14. Biết tránh vật dụng nơi nguy hiểm (phích nước, bàn là, bếp đang đun...) .	- Nhận biết một số vật dụng gây nguy hiểm, những nơi gây nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
MT15*. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...)	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như: Sờ vào ổ điện, leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...)
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT16*. Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ, nắn, lắng, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của một số hoa quả quen thuộc, gần gũi. - Nếm vị của một số hoa quả
MT17*. Nghe nhận biết âm thanh của đồ vật, con vật.	- Tìm đồ vật mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng cử chỉ lời nói	
MT18*. Nhận biết một số bộ phận trên cơ thể con người.	- Trẻ nhận biết tên một số bộ phận của cơ thể, mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. - Chỉ và nói tên một vài bộ phận cơ thể người khi được hỏi
MT19*. Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi	- Trẻ nhận biết tên, một số đặc điểm nổi bật của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.
MT20*. Nhận biết một số phương tiện giao thông quen thuộc.	- Trẻ nhận biết tên của một số phương tiện giao thông gần gũi.
MT21*. Nhận biết một số con vật, hoa quả, quen thuộc.	- Trẻ nhận biết tên một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa quả quen thuộc.

MT22*: Nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian	- Trẻ chỉ hoặc lấy được đồ chơi màu đỏ, màu xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.
MT23*. Nhận biết bản thân, người gần gũi	- Trẻ nhận biết tên của bản thân trẻ, những người gần gũi khi được hỏi - NB hình ảnh bản thân trong gương - NB Đồ chơi đồ dùng của bản thân - Trẻ bắt chước một số hành động đơn giản của người thân.
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT24*. Thực hiện được các yêu cầu đơn giản: “Đi đến đây, đi rửa tay”	- Nghe, hiểu và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.
MT25*. Hiểu được từ “không”: Dừng hành động khi nghe “Không được lấy!” “Không được sờ”	- Nghe, hiểu các từ chỉ hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
MT26*. Trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây? Con gì đây? Cái gì đây?”	- Nghe trả lời các câu hỏi cho phù hợp. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng giao, truyện kể đơn giản theo tranh
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT27*. Nhắc lại từ ngữ và câu ngắn.	- Trẻ phát các âm khác nhau - Trẻ gọi tên các con vật, đồ vật, hành động gần gũi
MT28*. Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ.	- Trẻ biết đọc tiếp tiếng cuối cùng của câu thơ khi nghe cô giáo đọc bài thơ quen thuộc.
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp	
MT29*. Nói được câu đơn có 2-3 tiếng.	- Sử dụng các từ chỉ những hành động quen thuộc: Như: Con đi chơi, bóng đá, mẹ làm gì?.
MT30*. Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân.	- Trẻ biết trò chuyện với cô và các bạn và bày tỏ cảm xúc của bản thân. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
MT31. Trẻ thích nghe cô kể chuyện .	- Trẻ lắng nghe cô kể chuyện. - Trẻ mở sách, xem tranh và chỉ vào

	các nhân vật, sự vật trong tranh.
<i>IV. Lĩnh vực phát triển TCKNXH và thẩm mỹ</i>	
<i>1. Biểu lộ sự nhận thức của bản thân</i>	
MT32*. Nói được vài thông tin về mình (tên, tuổi); Nhận ra hình ảnh bản thân trong gương khi được hỏi.	- Nhận biết tên gọi, 1 số đặc điểm hình ảnh của bản thân. - Biểu lộ cảm xúc của bản thân với những người xung quanh
<i>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</i>	
MT33*. Biểu lộ sự thích giao tiếp với những người gần gũi bằng cử chỉ lời nói.	- Tập cho trẻ giao tiếp hàng ngày qua các giờ đón trẻ, các hoạt động...
MT34. Cảm nhận và biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi...của mình với người xung quanh	- Trẻ thể hiện được cảm xúc của mình qua các hoạt động hàng ngày.
<i>3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.</i>	
MT35*. Chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ khi được người lớn nhắc nhở.	- Tự tin giao tiếp với cô giáo và các bạn - Thực hiện được một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”; “vâng ạ”; khi chơi không tranh đồ chơi, không cầu bạn.
MT36*. Bắt chước một vài hành vi xã hội (trò chơi búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)	- Trẻ tập sử dụng đồ dùng đồ chơi - Trẻ chơi với các đồ chơi và thể hiện được vai chơi của mình trong từng hoàn cảnh. Trẻ biết đóng vai chơi khi chơi ở các góc chơi.
MT37*. Làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn:	- Biết nghe lời và thực hiện một số nội quy đơn giản của lớp.
MT38. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi: Bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Trẻ yêu thích và thân thiện một số con vật gần gũi và quan tâm đến con vật nuôi.
MT39. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn : Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Có thái độ tôn trọng, yêu mến, nghe lời người lớn. - Biết nghe lời và thực hiện một số nội

	quy đơn giản của lớp.
3. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
MT40* . Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc (dậm chân, lắc lư, vỗ tay).	- Thích nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT41* . Thích vẽ, xem tranh xâu hạt, xếp hình đơn giản	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh, - Xâu hạt, xếp hình

II. Nhóm trẻ 25 - 36 tháng

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề	Số tuần	Thời gian thực hiện	Chủ đề nhánh	Sự kiện
1	Bé và các bạn	1	05,08/09->12/09/2025	Bé và các bạn	Chào mừng ngày hội đến trường của bé
		1	15/09 ->19/09/2025	Bé là ai?	
		1	22/09 ->26/09/2025	Lớp học của bé	
2	Đồ chơi của bé	1	29/09 ->03/10/2025	Bé biết những đồ chơi gì?	Vui hội trăng rằm 2025
		1	06/10 ->10/10/2025	Đồ chơi yêu thích của bé	
		1	13/10 ->17/10/2025	Đồ dùng của bé	
		1	20/10 ->24/10/2025	Bé và các bạn cùng chơi	
3	Các cô, các bác trong nhà trẻ	1	27/10 ->31/10/2025	Bác bảo vệ của bé	
		1	03/11 ->07/11/2025	Các cô nuôi dưỡng	
		1	10/11 ->14/11/2025	Cô giáo con	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	1	17/11 ->21/11/2025	Ngôi nhà của bé	Ngày nhà giáo VN
		1	24/11 ->28/11/2025	Mẹ yêu	
		1	01/12 ->05/12/2025	Bố, anh chị em của bé	
		1	08/12 ->12/12/2025	Ông bà nội, ông bà ngoại của bé	

5	Cây xanh và những bông hoa đẹp	1	15/12 ->19/12/2025	Rau xanh	
		1	22/12 ->26/12/2025	Các loại quả quê em	Ngày thành lập QĐNDVN
		1	29/12 ->02/01/2026	Những bông hoa đẹp	
		1	05/01 ->09/01/2026	Cây xanh quanh bé	
			12/01 ->16/01/2026	Ôn tập - Kết thúc học kỳ I	
6	Bé vui đón tết và mùa xuân	1	19/01 ->23/01/2026	Bé mong đón tết	
		1	26/01 ->30/01/2026	Các món ăn ngày tết	
		1	02/02 ->06/02/2026	Các hoạt động trong ngày tết	Tết nguyên đán
7	Những con vật đáng yêu	1	09/02 ->13/02/2026	Các con vật nuôi trong gia đình (Gia cầm)	
			16/02 ->20/02/2026	Nghỉ tết nguyên đán	
		1	23/02 ->27/02/2026	Các con vật nuôi trong gia đình (Gia súc)	
		1	02/03 ->06/03/2026	Các con vật sống trong rừng	Ngày quốc tế phụ nữ
		1	09/03 ->13/03/2026	Các con vật sống dưới nước	
8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?	1	16/03 ->20/03/2026	Phương tiện giao thông đường bộ	
		1	23/03 ->27/03/2026	Phương tiện GT đường thủy	
		1	30/03 ->03/04/2026	Phương tiện giao thông đường hàng không	
		1	06/04 ->10/04/2026	Phương tiện giao thông đường sắt	
9	Mùa hè đến rồi	1	13/04 ->17/04/2026	Mùa hè đến	
		1	20/04 ->24/04/2026	Thời tiết mùa hè	
		1	27/04 ->29/04/2026	Trang phục mùa hè của bé	

		1	04/05 ->08/05/2026	Bé làm gì trong mùa hè	
10	Bé lên mẫu giáo	1	11/05 ->15/05/2026	Trường mầm non của bé	
		1	18/05 ->22/05/2026	Lớp học của bé	Sinh nhật Bác
			25/05 ->29/05/2026	Ôn tập, đánh giá trẻ cuối độ tuổi	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động

Mục tiêu	Nội dung - Hoạt động
I. Lĩnh vực phát triển thể chất	
MT1* . Cân nặng và chiều cao + Trẻ trai: cân nặng 11,3 kg – 18,3 kg; chiều cao 88,7 cm – 103,5 cm. + Trẻ gái: cân nặng 10,8 kg – 18,1 kg; chiều cao 80,0 cm – 92,9 cm	Trẻ được cân đo theo quý trong năm học và theo dõi sức khỏe hàng ngày và đánh giá chiều cao cân nặng vào cuối năm học theo chỉ số của trẻ cuối độ tuổi.
1. Phát triển vận động	
1.1. Thực hiện động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	
MT2* . Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	Hô hấp: Tập hít vào, thở ra - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
1.2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.	
MT3* . Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	-Tập đi, chạy: +Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp. + Đi có mang vật trên tay +Chạy theo hướng thẳng. + Đứng co 1 chân.
MT4* . Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt được bóng với cô ở khoảng cách 1m - 1,2m	Tập tung, ném, bắt: +Tung - bắt bóng cùng cô

MT5* . Tập nhún, bật	+Bật tại chỗ. +Bật qua vạch kẻ. + Bật qua các vòng.
MT6* . Phối hợp được tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	-Tập bò, trườn: +Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. +Bò chui qua cổng. + Bò, trườn qua vật cản. + Bò trong đường hẹp + Bò theo đường đích đặt
MT7* . Ném được vào đích ngang (xa 1-1,2m)	Ném bóng vào đích
MT8 . Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa về phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	- Ném bóng về phía trước. - Ném xa bằng một tay - Vận động ném xa về phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)
1.3.Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay.	
MT9 . Vận động được cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Xoa tay, chạm các đầu ngón tay vào nhau, rớt, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
MT10* . Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Rớt, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Dạy trẻ tập khâu dây, luồn dây, cài, cời cúc hàng ngày. - Trẻ thực hiện chắp, ghép hình và xếp chồng trong các hoạt động - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Thực hiện vận động tập cầm bút tô, vẽ, lật mở trang sách. - Ứng dụng một số hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào việc tổ chức cho trẻ khâu vòng.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
2.1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.	
MT11* . Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong

	ăn uống. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định.
MT12* . Ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
MT13* . Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
2.2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.	
MT14* . Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...	- Xúc cơm, uống nước. - Tập mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.
MT15 . Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ thực hiện khi đi ra ngoài phải biết đội mũ nón...dưới sự hướng dẫn của người lớn.
2.3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	
MT16 . Biết tránh được một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số vật dụng gây nguy hiểm, những nơi gây nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
MT17* . Nhận biết và tránh được một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ... khi được nhắc nhở.	Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức	
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan	
MT18* . Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết được đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi.... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì.

	- Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn-chua). quan của trẻ.
MTs19. Thực hiện được trải nghiệm/điều tra thực tế	- Ứng dụng một số hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào việc tổ chức cho trẻ một số hoạt động khám phá, nhận biết hoa, quả, món ăn bằng các giác
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi	
MT20*. Chơi bắt chước được một số hành động quen thuộc của bản thân, những người gần gũi.	Trẻ biết tên bắt chước những hành động quen thuộc của những người gần gũi: Trẻ chơi bế em, chơi nấu ăn, chơi bán hàng....
MT21*. Nhận biết, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Trẻ nhận biết tên, đặc điểm nổi bật, màu sắc đồ dùng, đồ chơi quen thuộc và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc, đồ dùng, đồ chơi lắp ráp, xây dựng trong nhóm.
MT22*. Nói được tên của bản thân, chức năng chính của bộ phận trên cơ thể, và tên và công việc của những người gần gũi, tên của cô giáo, các bạn trong nhóm khi được hỏi.	Trẻ nhận biết tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân, - Tên và những việc làm của người thân gần gũi trong gia đình, - Tên của cô giáo và các bạn trong nhóm/lớp.
MT23. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
MT24*. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các hoa quả, con vật quen thuộc, các phương tiện giao thông gần gũi	Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Ứng dụng một số hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào việc tổ chức cho trẻ khám phá, nhận biết.
MT25*. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu	Trẻ lấy, phân biệt đồ dùng, đồ chơi màu đỏ, màu vàng, màu xanh.
MT26*. Chỉ hoặc lấy hoặc cắt đúng đồ	- Trẻ chỉ, lấy, cắt, phân biệt đồ dùng, đồ

chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	chơi có kích thước to, nhỏ. Biết chọn lấy đúng đồ theo chỉ dẫn, yêu cầu đơn giản.
MT27. Trẻ phân biệt số lượng 1-nhiều. - Xác định được vị trí (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ. -Trẻ phân biệt hình vuông, hình tròn	- Số lượng một – nhiều. - Trẻ xác định được vị trí (trên, dưới, trước, sau) của bản thân trẻ. - Trẻ nhận biết được hình vuông, hình tròn.
MT28. Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, biết những ngày lễ hội quen thuộc của quê hương đất nước.	-Trẻ biết tên Bác Hồ và nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Trẻ biết được một số ngày lễ hội của quê hương đất nước (ngày hội đền trường của bé, tết trung thu, tết thiếu nhi, ... - Ứng dụng một số hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào việc tổ chức cho trẻ một số hoạt động trải nghiệm lễ hội.
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
1. Nghe hiểu lời nói	
MT29*. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói bằng các giọng nói khác nhau.
MT30*. Trả lời được các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì ?”, “....thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ sự vật, đồ vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản
MT31*. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe kể chuyện có nội dung phù hợp với độ tuổi và trả lời các câu hỏi theo yêu cầu
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu	
MT32. Phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau. Trả lời và đặt các câu hỏi đơn giản: Ai đây? Cái gì? Để làm gì? Ở đâu? Thế nào? Tại sao?...
MT33*. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Trẻ đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng; Đọc các bài ca dao, đồng dao
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.	
MT34*. Nói được câu đơn, câu có 5 - 7	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật đặc

tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
MT35* . Sử dụng được lời nói với các mục đích khác nhau: Chào hỏi, trò chuyện/Bày tỏ nhu cầu của bản thân/Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?	- Trẻ biết chào hỏi, trò chuyện với cô và các bạn và bày tỏ cảm xúc của bản thân. - Trẻ trả lời các câu hỏi qua việc nghe cô kể chuyện, chơi các góc chơi... - Trẻ nghe hiểu và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
MT36 . Nói to, đủ nghe, lễ phép.	-Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn
MT37 . Trẻ được làm quen với sách	-Trẻ lắng nghe người lớn đọc sách, truyện Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
<i>IV. Lĩnh vực phát triển TCKNXH và thẩm mỹ</i>	
<i>1. Biểu lộ sự nhận thức của bản thân</i>	
MT38* . Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
MT39 . Thể hiện được điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích và không thích của mình
<i>2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi.</i>	
MT40* . Biểu lộ được sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Tập cho trẻ giao tiếp hàng ngày qua các giờ đón, các hoạt động...
MT41* . Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Trẻ nhận biết được biểu hiện của khuôn mặt khi vui, buồn, sợ hãi.
MT42* . Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Trẻ thể hiện được cảm xúc của mình qua các hoạt động hàng ngày
MT43 . Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước được tiếng kêu, gọi.	- Trẻ yêu thích và thân thiện một số con vật gần gũi và quan tâm đến con vật nuôi.
<i>3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản.</i>	
MT44* . Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ă, vâng ă.	- Thực hiện được một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”; “vâng ạ”;
MT45* . Thể hiện (bắt chước) được một	- Trẻ tập một số thao tác đơn giản trong

số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	rửa tay, lau mặt ... - Trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...) - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi và để đồ chơi vào nơi qui định.
MT46. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Có thái độ tôn trọng, yêu mến, nghe lời người lớn.
MT47*. Thực hiện được một số yêu cầu của người lớn.	- Trẻ thực hiện được các hoạt động khi người lớn yêu cầu như dạo chơi, chơi hoạt động góc, chơi tập có chủ đích...
3. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc, tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh	
MT48*. Biết hát và vận động được đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các dụng cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
MT49*. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, tô màu, xé, vò, xếp hình... - Trẻ thích được làm quen với đất nặn - Trẻ xếp hình, xem tranh - Ứng dụng một số hoạt động giáo dục STEM/STEAM vào việc tổ chức cho trẻ một số hoạt động tạo hình đơn giản.

Phụ lục 2

Dự kiến các chuyên đề sinh hoạt chuyên môn

TT	Nội dung	Hình thức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều chỉnh	Kết quả
1	Hướng dẫn giáo viên cách tiếp cận ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) thiết kế học liệu số trong tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	Tập trung	Ngày 5/9	TT GV		
2	Tập huấn về cách tổ chức bữa ăn, giờ ngủ cho trẻ đúng quy định.	Tập trung	Ngày 03/10	TT GV		

3	Làm đồ dùng, đồ chơi phát triển giác quan và vận động tinh cho trẻ.	Tập trung	Ngày 03/11	TT GV		
4	Cách xây dựng “Góc chơi nhỏ - hiệu quả cao” trong lớp nhà trẻ.	Tập trung	Ngày 5/12	TT GV		
5	Thảo luận công tác giáo dục bảo vệ môi trường cho trẻ nhà trẻ.	Tập trung	Ngày 5/01	TT GV		
6	Xây dựng môi trường GD phát huy tính tích cực cho trẻ MN.	Tập trung	Ngày 6/02	TT GV		
7	Xây dựng và thảo luận về tích hợp nội dung giáo dục quyền trẻ em trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non.	Tập trung	Ngày 6/03	TT GV		
8	Hướng dẫn GVMN tổ chức hoạt động giáo dục an toàn giao thông cho trẻ trong cơ sở GDMN.	Tập trung	Ngày 03/4	TT GV		
9	Bồi dưỡng giáo dục quyền con người gắn với chăm sóc, bảo vệ trẻ trong môi trường giáo dục	Tập trung	Ngày 8/5	TT GV		

Phụ lục 3

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học

Tháng	Người dạy	Hoạt động	Địa điểm	Người chủ trì
9	Vũ Thị Thúy	Lĩnh vực PTTC Hoạt động: Đi trong đường hẹp	Lớp D3	Trần Thị Hải Yến
10	Hoàng Thị Hồi	Lĩnh vực phát triển TCKNXH&TM Hoạt động: Dạy hát “Cô và mẹ”	Lớp D2	Trần Thị Hải Yến

11	Trần Thị Hải Yến	Lĩnh vực PTNT HĐVĐV: Trẻ chơi với chai nhựa	Lớp D1	Trần Thị Hải Yến
12	Trần Thị Hương	Lĩnh vực phát triển TCKNXH&TM Hoạt động: Nghe hát: “Cả nhà thương nhau”	Lớp D5	Trần Thị Hải Yến
01	Trần Thị Lượ	Lĩnh vực PTNT Hoạt động: NBPB to-nhỏ	Lớp D1	Trần Thị Hải Yến
02	Trần Thị Xuyên	Lĩnh vực PTNT Hoạt động: Nhận biết một số loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc	D3	Trần Thị Hải Yến
03	Trần Thị Bích Vân	Lĩnh vực PTNN Hoạt động: Thơ “Hoa kết trái”	Lớp D4	Trần Thị Hải Yến
04	Đỗ Thị Thúy Liễu	Lĩnh vực PTNT Hoạt động: NBPB Cao-thấp	Lớp D4	Trần Thị Hải Yến
05	Trần Thị Ngoan	Lĩnh vực PTNN Hoạt động: Kể truyện: Truyện “Ngôi nhà màu vàng vui vẻ”	Lớp D2	Trần Thị Hải Yến